CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Hoàng Hà

Ngày 31/03/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.9%	**14.3%**	**0%**

DT thuần
Q1/25
6.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.44| -18.2%
YoY: ▼6.02| -48.2%

LN thuần
Q1/25
-7.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.12| -1.6%
YoY: ▲ 1.17| 13.5%

LN sau thuế
Q1/25
-50.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.7| -622%
YoY: ▼41.9| -474%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-779%
YoY: +/-▼ 697%

ROE (TTM)
Q1/25
-103%
YoY: +/-▼ 70.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
Số lượng CPLH (CP)	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	129,715
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	-2,148
P/E	-0.7

DT thuần
2024
40.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.7| -33.6%

LN thuần
2024
-33.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.70| 20.5%

LN sau thuế
2024
-33.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90| 23.0%

Cơ cấu sở hữu

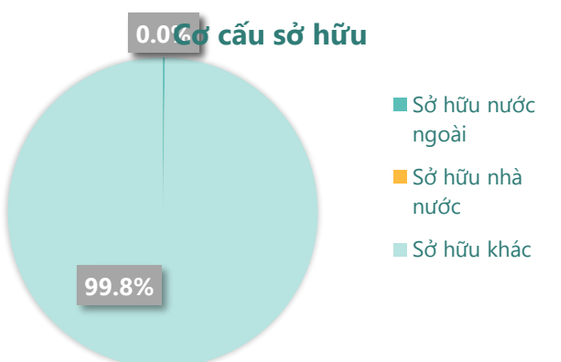

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

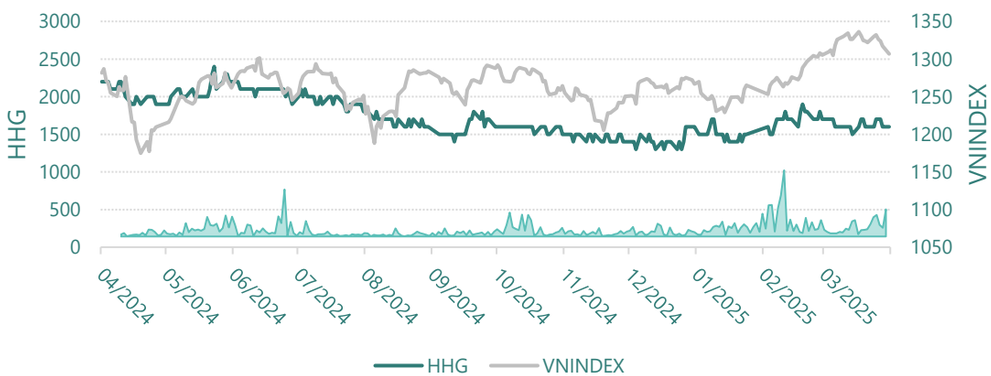

Cơ cấu cổ đông

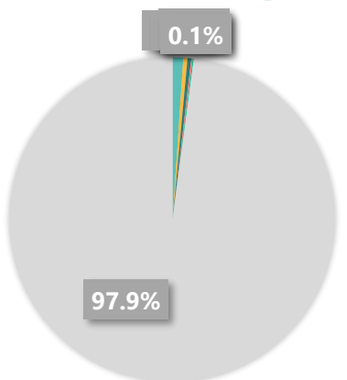



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

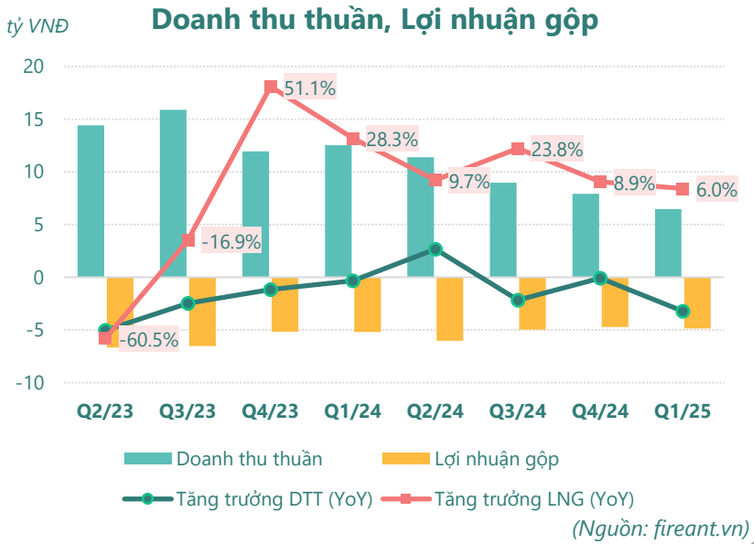

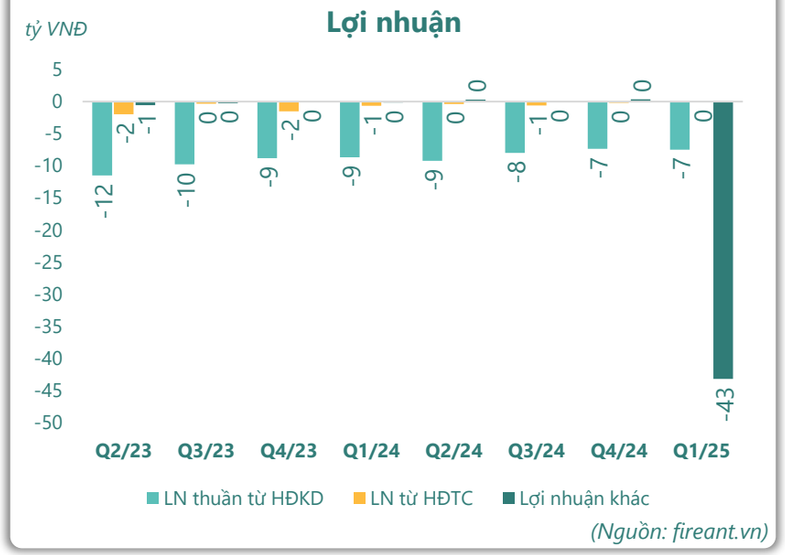

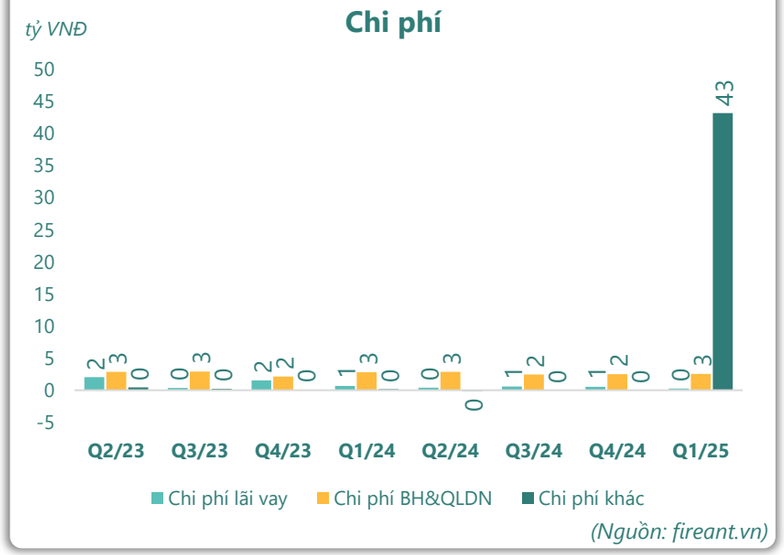

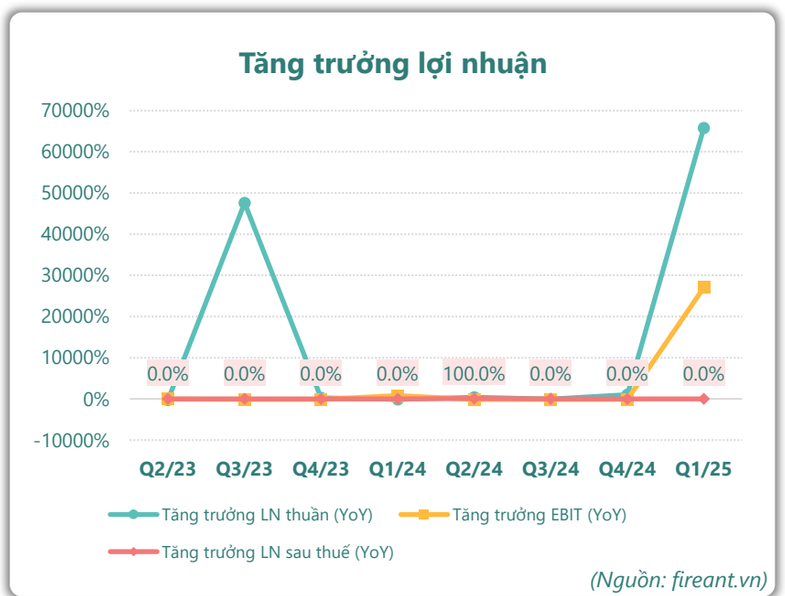

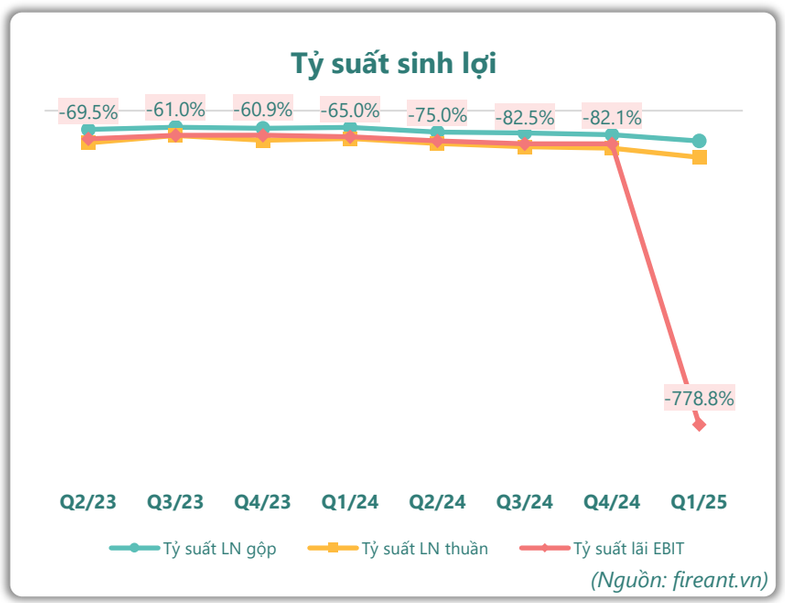

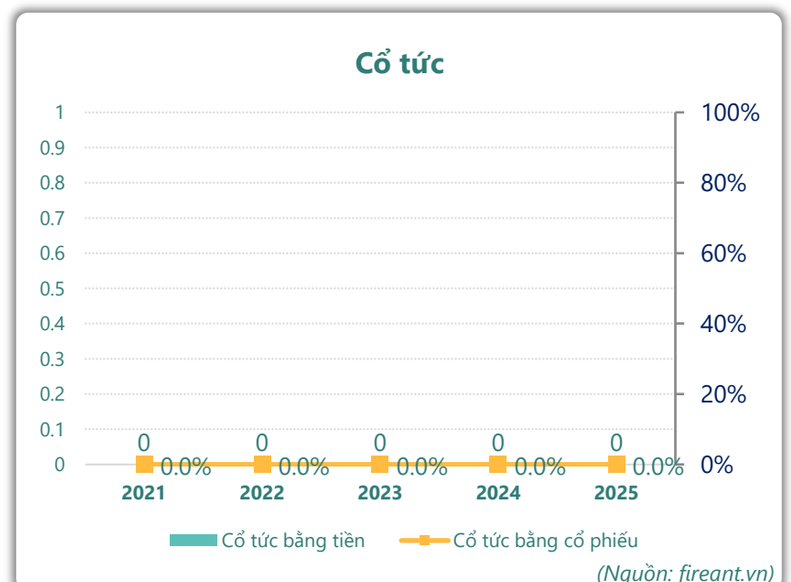

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

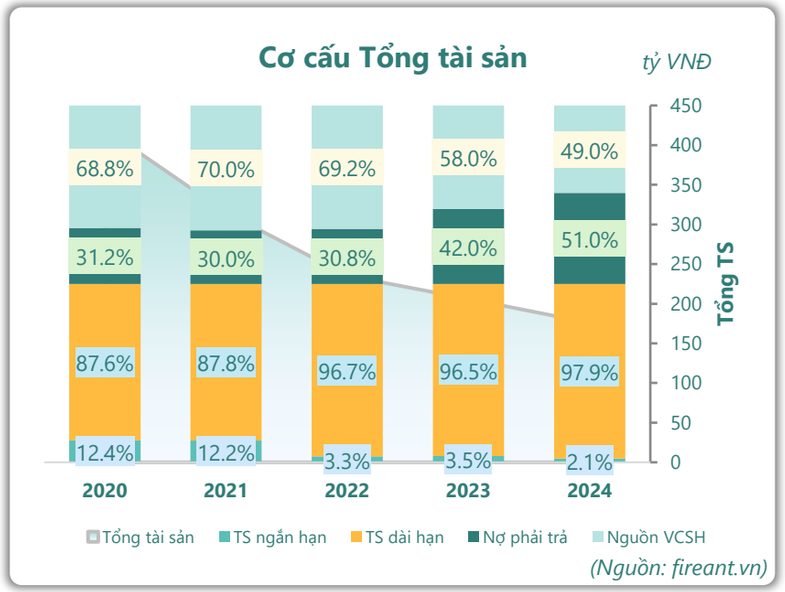

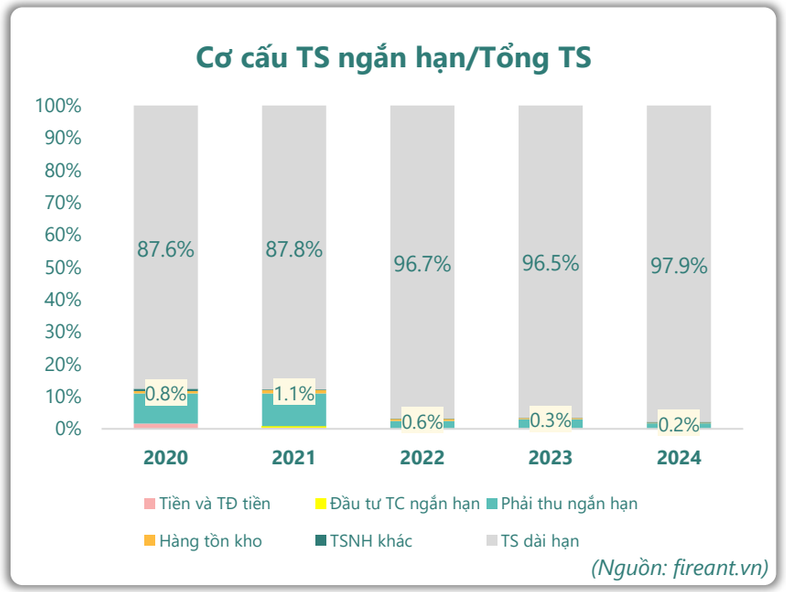

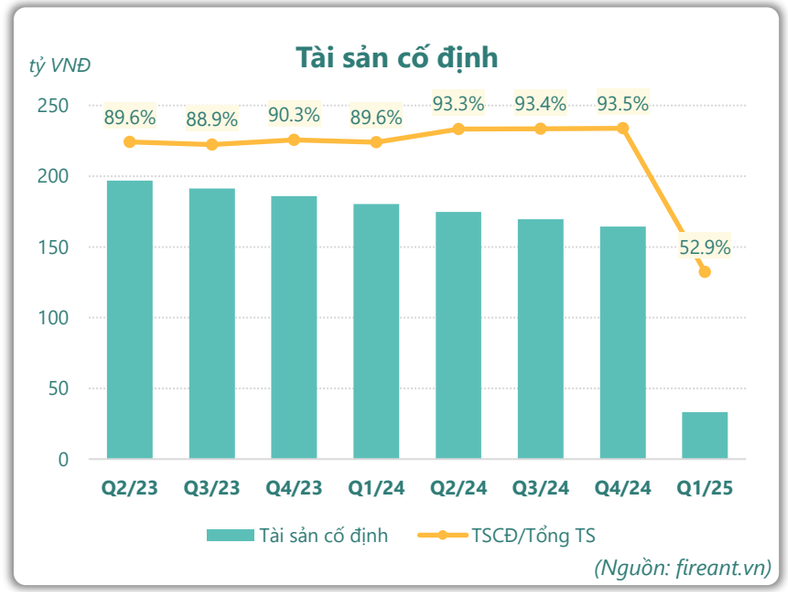

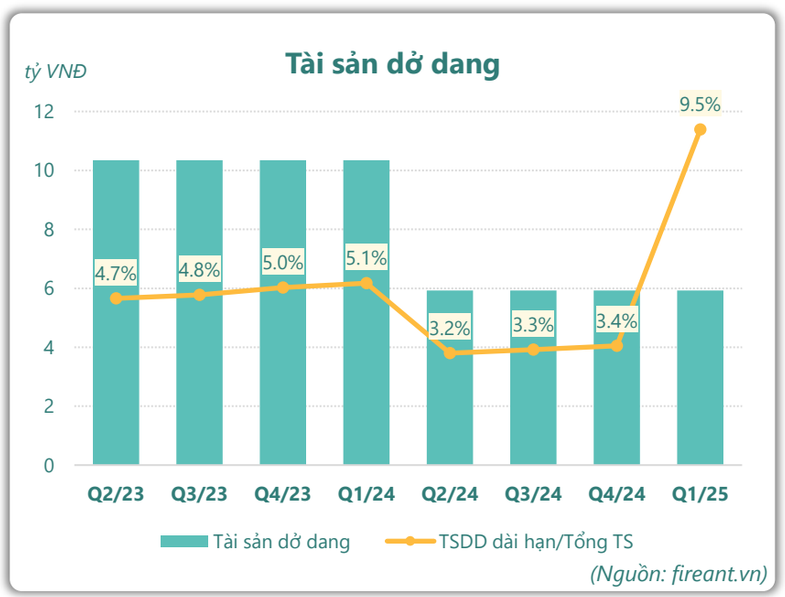

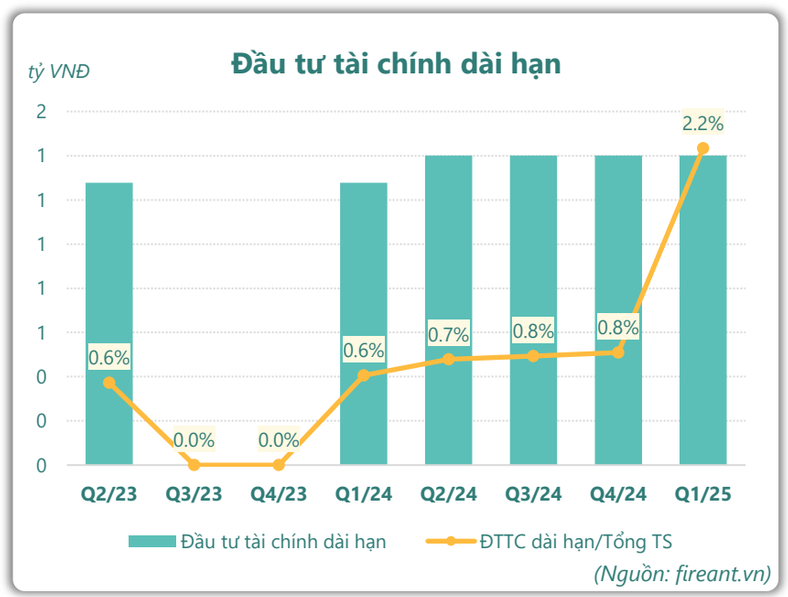

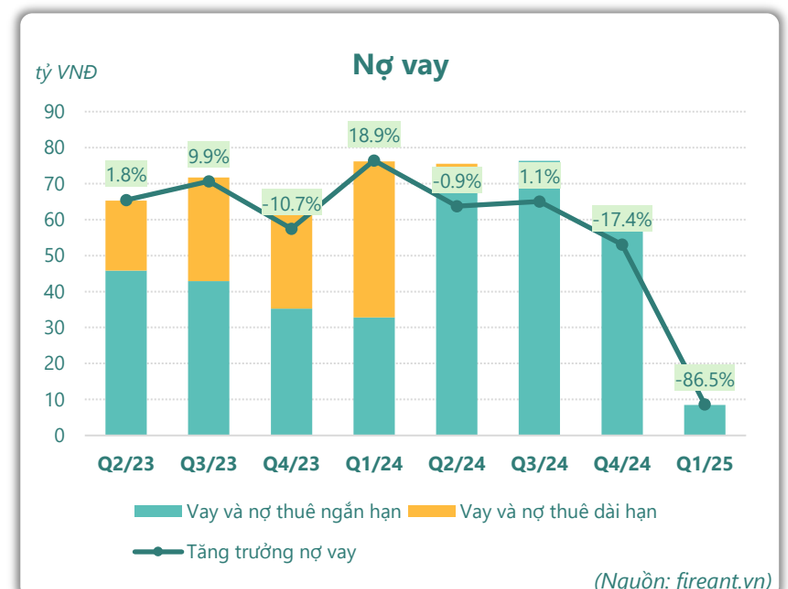

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

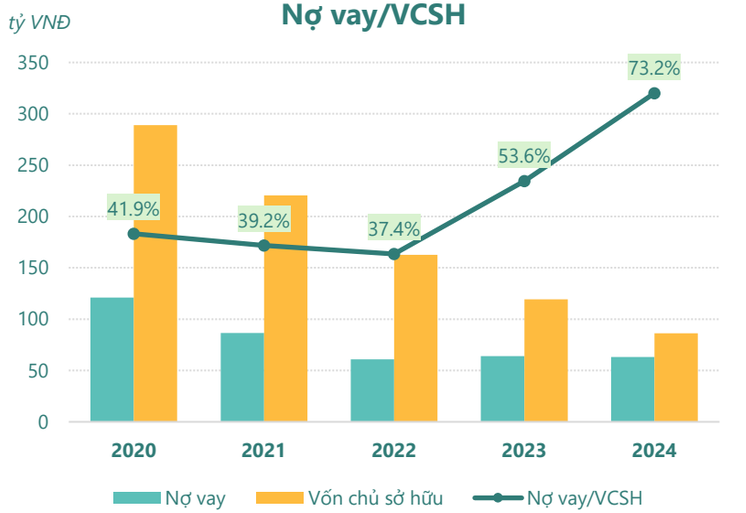

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

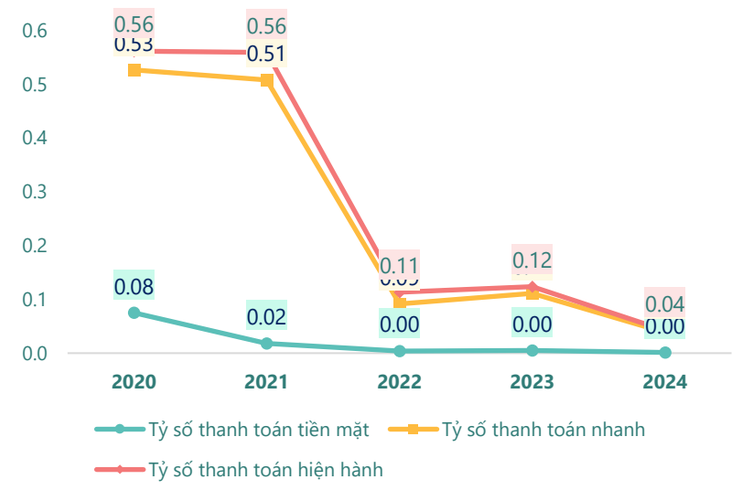

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

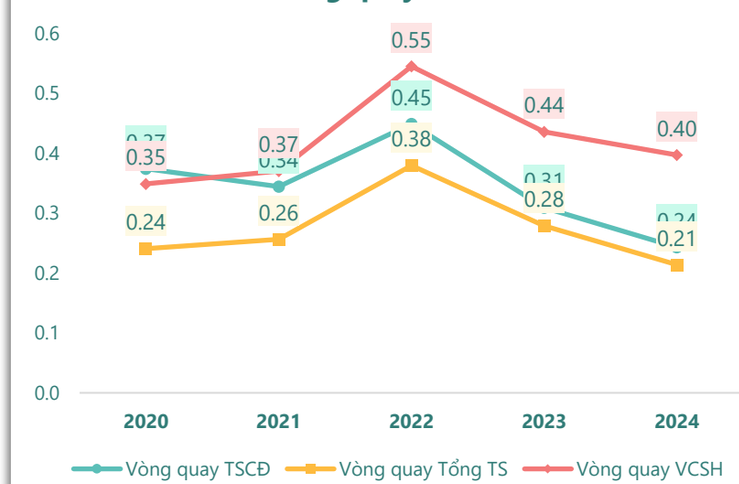

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

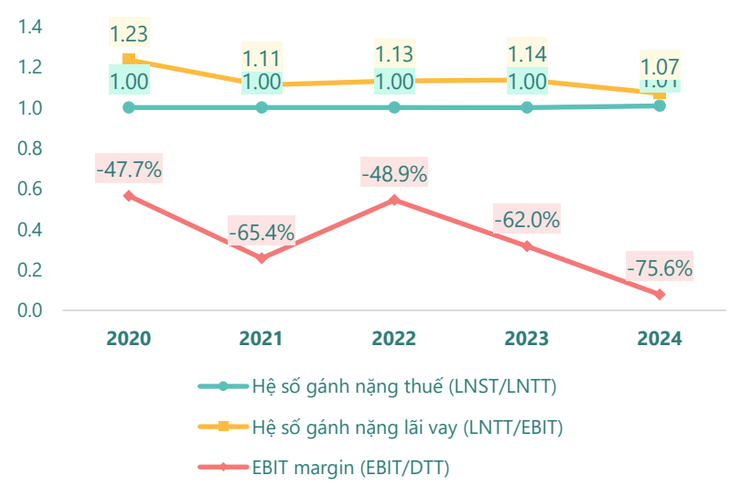

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

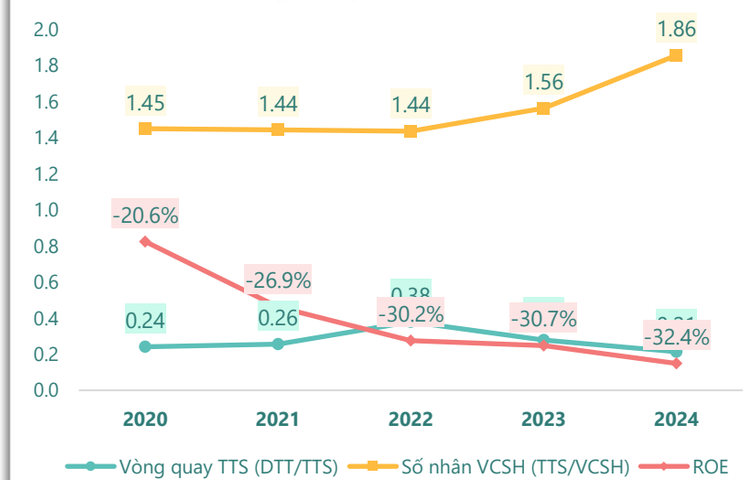

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

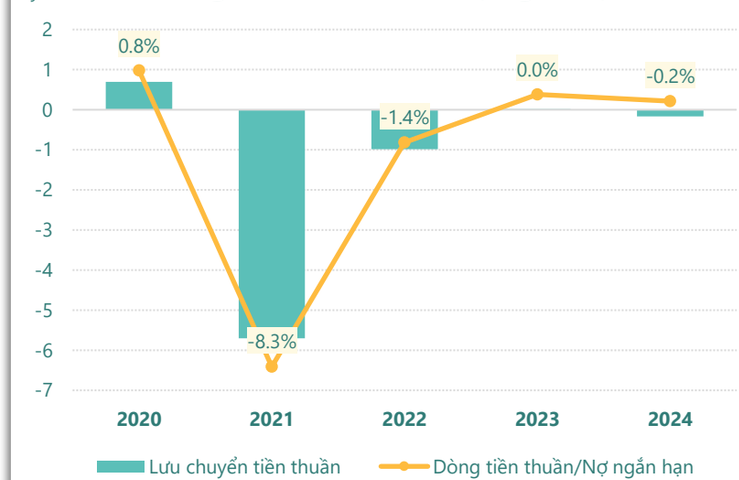

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.48**	**12.5**	**-48.2%**	**40.8**	**61.5**	**-33.6%**
Giá vốn hàng bán	11.4	17.7	-35.9%	61.8	87.2	-29.2%
Lợi nhuận gộp	-4.88	-5.19	6.1%	-20.9	-25.8	18.8%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.02	1137%	0.15	0.08	85.7%
Chi phí TC	0.32	0.67	-52.1%	2.17	5.16	-57.9%
Chi phí lãi vay	0.28	0.67	-58.4%	2.17	5.16	-57.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.55**	**2.83**	**-10.0%**	**10.6**	**11.3**	**-6.4%**
LN thuần từ HĐKD	-7.50	-8.67	13.5%	-33.5	-42.2	20.5%
Lợi nhuận khác	**-43.2**	**-0.16**	**-26914%**	**0.51**	**-1.08**	**147%**
LN trước thuế	-50.7	-8.83	-474%	-33.0	-43.2	23.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-50.7**	**-8.83**	**-474%**	**-33.3**	**-43.2**	**23.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-50.7**	**-8.83**	**-474%**	**-33.3**	**-43.2**	**23.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.91	-12.5	0.31	-0.50	11.2	-10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.46	0.76	0.08	1.19	69.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.66	12.1	-0.66	0.82	-13.4	-54.5
Tiền đầu kỳ	2.02	0.28	0.33	0.74	1.15	0.12
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.74**	**0.05**	**0.41**	**0.40**	**-1.03**	**3.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.28	0.33	0.74	1.15	0.12	3.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**62.5**	**176**	**-64.5%**
Tài sản ngắn hạn	7.61	3.77	102%
Tiền và tương đương tiền	3.76	0.12	3110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.52	2.97	18.5%
Hàng tồn kho	0.14	0.32	-56.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.35	-49.6%
Tài sản dài hạn	**54.9**	**172**	**-68.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.1	150	-77.9%
Bất động sản đầu tư	14.3	14.5	-1.3%
Tài sản dở dang	5.93	5.93	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.40	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.17**	**0.25**	**-32.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.1	89.7	-69.8%
Nợ ngắn hạn	**26.7**	**89.3**	**-70.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.48	63.0	-86.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.96	5.67	5.1%
Nợ dài hạn	0.33	0.34	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**35.4**	**86.2**	**-58.9%**
Vốn chủ sở hữu	**35.4**	**86.2**	**-58.9%**
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)